

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng, trợ giúp pháp lý được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-BTP ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư, công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-BTP ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung*

trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 75/TTr-STP ngày 20 tháng 6 năm 2023.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng, trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể:

1. Thay thế 02 thủ tục hành chính thứ tự số 7 và số 11 Mục B (lĩnh vực công chứng) khoản XII Phần I Danh mục thủ tục hành chính và thay thế toàn bộ nội dung của 2 thủ tục hành chính có thứ tự số 7 (từ trang 432 đến trang 434) và số 11 (từ trang 443 đến trang 443) của khoản XII lĩnh vực công chứng thuộc phần II Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Bổ sung 01 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý có mã số hồ sơ 2.000587 theo Quyết định số 1017/QĐ-BTP ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng, Bộ Tư pháp.

*(Có phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Cục công tác phía Nam-BTP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, các phòng, ban, TT;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**TRONG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THUỘC**  
**THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**PHẦN I.**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Trang</b>	<b>Mức Dịch vụ công</b>
<b>A. Tên thủ tục hành chính sửa đổi</b>				
1	1.001756	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	4	Toàn trình
2	2.000789	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	8	Toàn trình
<b>B. Tên thủ tục hành chính bổ sung</b>				
3	2.000587	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	13	Một phần

**PHẦN 2**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC**  
**CÔNG CHỨNG, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG**

**1. Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên. Mã số TTHC: 1.001756**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1.** Tổ chức hành nghề công chứng nộp hồ sơ đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên đến Sở Tư pháp.

Hồ sơ lập trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước, địa chỉ: 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**Bước 2.** Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đúng đủ thành phần, số lượng hồ sơ thì lập phiếu tiếp nhận hồ sơ có ghi ngày nhận hồ sơ và ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ và chuyển toàn bộ hồ sơ về Sở Tư pháp.

**Bước 3.** Phòng Giáo dục và Bộ trợ tư pháp thẩm định, tham mưu Lãnh đạo Sở ban hành Quyết định đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

**Bước 4.** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc theo hình thức đã đăng ký trên phiếu hẹn và trả kết quả.

**b) Cách thức thực hiện:** Hồ sơ lập trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước, địa chỉ: 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*\* Thành phần hồ sơ*

- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên theo Mẫu TP-CC-06 ban hành kèm theo Thông tư số [01/2021/TT-BTP](#) ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Quyết định bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại công chứng viên (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);

- 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ);

- Giấy tờ chứng minh công chứng viên là hội viên Hội công chứng viên tại địa phương hoặc hội viên Hiệp hội công chứng viên Việt Nam;

- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công chứng viên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hoạt động:

- Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề đấu giá, quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại, giấy tờ chứng minh đã chấm dứt công việc thường xuyên khác; giấy tờ chứng minh đã được Sở Tư pháp xóa đăng ký hành nghề ở tổ chức hành nghề công chứng trước đó hoặc văn bản cam kết chưa đăng ký hành nghề công chứng kể từ khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên.

*Lưu ý: Đối với thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú thì cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thực hiện khai thác thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo một trong các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.*

*Nếu không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công có thể yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Các loại giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú được quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP bao gồm:*

- Thẻ Căn cước công dân,
- Chứng minh nhân dân,
- Giấy xác nhận thông tin về cư trú,
- Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hành nghề công chứng.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên.

**h) Lệ phí:** 100.000 đồng/hồ sơ.

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**k) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu TP-CC-06 ban hành kèm theo Thông tư số [01/2021/TT-BTP](#) ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;

- Nghị định số [104/2022/NĐ-CP](#) ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

- Thông tư số [01/2021/TT-BTP](#) ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Thông tư số [257/2016/TT-BTC](#) ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số [111/2017/TT-BTC](#) ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.*

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

TP-CC-06  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ VÀ CẤP THẺ CÔNG CHỨNG VIÊN**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

Tên tổ chức hành nghề công chứng (ghi bằng chữ in hoa):.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Đề nghị Sở Tư pháp đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên cho các công chứng viên sau đây:

STT	Họ và tên	Số, ngày, tháng, năm của Quyết định bổ nhiệm/bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng viên hợp danh/Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng (1)	Chữ ký
1				
2				
....				

*Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....*

**Trưởng Phòng công chứng/Trưởng Văn phòng công chứng**  
*(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) (2)*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp tổ chức đăng ký là Phòng công chứng thì bỏ trống cột này.

(2) Trường hợp đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên cùng thủ tục đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng thì chỉ ký và ghi rõ họ tên của Trưởng Văn phòng công chứng.

## **2. Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng. Mã số TTHC: 2.000789**

### **a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1.** Văn phòng công chứng nộp hồ sơ đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương đã ra quyết định cho phép thành lập;

Hồ sơ lập trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước, địa chỉ: 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**Bước 2.** Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đúng đủ thành phần, số lượng hồ sơ thì lập phiếu tiếp nhận hồ sơ có ghi ngày nhận hồ sơ và ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ và chuyển toàn bộ hồ sơ về Sở Tư pháp.

**Bước 3.** Phòng Giáo dục và Bồi trợ tư pháp thẩm định, tham mưu Lãnh đạo Sở cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

**Bước 4.** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc theo hình thức đã đăng ký trên phiếu hẹn và trả kết quả.

**b) Cách thức thực hiện:** Hồ sơ lập trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước, địa chỉ: 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*\* Thành phần hồ sơ*

- Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số [01/2021/TT-BTP](#) ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng phù hợp với nội dung đã nêu trong đề án thành lập;

- Hồ sơ đăng ký hành nghề của các công chứng viên hợp danh, công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng công chứng (nếu có).

*Lưu ý: Trong trường hợp cần sử dụng đến thông tin về nơi cư trú của người dân thì cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện khai thác thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo một trong các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số [104/2022/NĐ-CP](#) ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung*



*một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.*

*Nếu không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số [104/2022/NĐ-CP](#), cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công có thể yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số [104/2022/NĐ-CP](#). Các loại giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú được quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số [104/2022/NĐ-CP](#) bao gồm:*

- Thẻ Căn cước công dân,*
- Chứng minh nhân dân,*
- Giấy xác nhận thông tin về cư trú,*
- Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.*

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hành nghề công chứng.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng.

**h) Phí:** 1.000.000 đồng/hồ sơ.

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định cho phép thành lập, Văn phòng công chứng phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đã ra quyết định cho phép thành lập.

**k) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số [01/2021/TT-BTP](#) ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;
- Nghị định số [104/2022/NĐ-CP](#) ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

- Thông tư số [01/2021/TT-BTP](#) ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

- Thông tư số [257/2016/TT-BTC](#) ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số [111/2017/TT-BTC](#) ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.*

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

TP-CC-09  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh (thành phố).....

1. Tên Văn phòng công chứng (*ghi bằng chữ in hoa*):.....
2. Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng số: .....  
..... ngày ...../...../.....
3. Địa chỉ trụ sở: .....(1)  
Điện thoại:.....Fax (nếu có): ..... Email (nếu có): .....  
Website (nếu có): .....
4. Trưởng Văn phòng công chứng:  
Họ và tên:.....Nam/Nữ:.....Sinh ngày...../...../.....  
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số: .....  
Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....  
Chỗ ở hiện nay: .....
- Số, ngày, tháng, năm của Quyết định bổ nhiệm/bổ nhiệm lại công chứng viên:  
.....
5. Danh sách công chứng viên (không bao gồm Trưởng Văn phòng công chứng):

STT	Họ và tên	Số, ngày, tháng, năm của Quyết định bổ nhiệm/bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng viên hợp danh/Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng	Chữ ký
1				
2				
....				

Tỉnh (thành phố)....., ngày.....tháng.....năm.....  
**Trưởng Văn phòng công chứng**

*(ký, ghi rõ họ tên)*

***Ghi chú:***

*(1) Ghi cụ thể số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố; trường hợp không có số nhà, đường/phố thì ghi đến đơn vị hành chính nhỏ nhất của trụ sở (thôn, ấp, khu đô thị...).*

## II. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

### 1. Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý. Mã số TTHC: 2.000587

#### a) Trình tự thực hiện:

**Bước 1.** Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Trợ giúp pháp lý nếu có nguyện vọng làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý (*sau đây gọi chung là cộng tác viên*) và nhất trí với các nội dung cơ bản của hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp thì gửi hồ sơ đến Trung tâm ở địa phương nơi mình cư trú.

**Bước 2.** Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, căn cứ vào nhu cầu trợ giúp pháp lý của người dân và điều kiện thực tế tại địa phương, Giám đốc Trung tâm lựa chọn hồ sơ trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét cấp thẻ cộng tác viên. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ cho người đề nghị làm cộng tác viên và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

**Bước 3.** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ do Giám đốc Trung tâm trình, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, quyết định cấp thẻ cộng tác viên. Trường hợp từ chối phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người đề nghị làm cộng tác viên. Người bị từ chối có quyền khiếu nại đối với việc từ chối cấp thẻ cộng tác viên. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

**Bước 4.** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp thẻ, cộng tác viên trợ giúp pháp lý có trách nhiệm đến Trung tâm để ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp có lý do chính đáng thì có thể kéo dài nhưng không quá 35 ngày kể từ ngày được cấp thẻ.

#### b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố;

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính;

- Gửi hồ sơ qua fax, hình thức điện tử.

\* *Lưu ý: Việc nộp hồ sơ đề nghị làm cộng tác viên được thực hiện như sau:*

- Trường hợp nộp trực tiếp tại trụ sở Trung tâm, người đề nghị làm cộng tác viên nộp các giấy tờ: Đơn đề nghị làm cộng tác viên; Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú và 02 ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm; xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định;

- Trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, người đề nghị làm cộng tác viên gửi các giấy tờ: Đơn đề nghị làm cộng tác viên; Sơ yếu lý lịch cá nhân

có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú và 02 ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm, bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định;

- Trường hợp gửi qua fax, hình thức điện tử, người đề nghị làm công tác viên gửi các giấy tờ: Đơn đề nghị làm công tác viên; Giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định; Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú và 02 ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm đến Trung tâm.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **\* Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị làm công tác viên trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số [08/2017/TT-BTP](#) (Mẫu TP-TGPL-10);

- Giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định;

- Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú và 02 ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm.

*Lưu ý: Trong trường hợp cần sử dụng đến thông tin về nơi cư trú của người đề nghị cấp thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý thì cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thực hiện khai thác thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo một trong các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số [104/2022/NĐ-CP](#) ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.*

*Nếu không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số [104/2022/NĐ-CP](#), cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công có thể yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số [104/2022/NĐ-CP](#). Các loại giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú được quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số [104/2022/NĐ-CP](#) bao gồm:*

- Thẻ Căn cước công dân,
- Chứng minh nhân dân,
- Giấy xác nhận thông tin về cư trú,
- Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết hồ sơ:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Những người đã nghỉ hưu, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có nguyện vọng thực hiện trợ giúp pháp lý có thể trở thành cộng tác viên trợ giúp pháp lý, bao gồm: trợ giúp viên pháp lý; thẩm phán, thẩm tra viên ngành Tòa án; kiểm sát viên, kiểm tra viên ngành kiểm sát; điều tra viên; chấp hành viên, thẩm tra viên thi hành án dân sự; chuyên viên làm công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Phước lựa chọn hồ sơ, trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, cấp thẻ cộng tác viên.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cấp thẻ cộng tác viên TGPL của Giám đốc Sở Tư pháp.

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 của Luật Trợ giúp pháp lý.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số [08/2017/TT-BTP](#) ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (mẫu TP-TGPL - 10).

**l) Căn cứ pháp lý:**

- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;
- Nghị định số [144/2017/NĐ-CP](#) ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;
- Thông tư số [08/2017/TT-BTP](#) ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
- Thông tư số [03/2021/TT-BTP](#) ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [08/2017/TT-BTP](#) ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số [12/2018/TT-BTP](#) ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày tháng năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ LÀM CỘNG TÁC VIÊN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Kính gửi: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố.....

Tên tôi là: .....

Sinh ngày ... tháng ... năm ..... Giới tính (Nam/Nữ):.....

Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân: .....

Địa chỉ thường trú.....

Chức danh đã đảm nhiệm trước khi nghỉ hưu.....

Điện thoại ..... Điện thoại di động.....

Email.....

Sau khi nghiên cứu các quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý, tôi thấy mình có đủ điều kiện và có nguyện vọng trở thành cộng tác viên trợ giúp pháp lý. Đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố..... thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố..... cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý cho tôi.

Tôi chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo quy định.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

(Ký và ghi rõ họ tên)